

Số: **43** /2019/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày **27** tháng **9** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về quản lý hoạt động
cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn về nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 463/TTr-SXD ngày 12/7/2019, số 3023/SXD-PTĐT ngày 11/9/2019 và Báo cáo thẩm định văn bản QPPL của Sở Tư pháp tại văn bản số 132/BC-STP ngày 28 tháng 6 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2019 và thay thế Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND ngày 13/8/2013 của Ủy ban

nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã; Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- MTTQVN tỉnh và các tổ chức đoàn thể;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài PT&TH tỉnh, Công báo tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Công TT giao tiếp điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CN3

(k60.)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Trì

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 43 /2019/QĐ-UBND ngày 27 / 9 /2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về quản lý hoạt động cấp nước sạch tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn và khu công nghiệp, cụm công nghiệp (sau đây gọi tắt là khu, cụm công nghiệp) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Kế hoạch phát triển cấp nước

Kế hoạch phát triển cấp nước phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch cấp nước đô thị Vĩnh Phúc đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch tổng thể cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và dựa vào nhu cầu thực tế.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Xác định vùng phục vụ cấp nước

1. Vùng phục vụ cấp nước được quy định tại Điều 32, Nghị định 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã xác định vùng phục vụ cấp nước trên cơ sở đề xuất của nhà đầu tư hoặc đơn vị cấp nước, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chấp thuận trước khi ký kết Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước.

Điều 4. Lựa chọn đơn vị cấp nước và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước

1. Thẩm quyền lựa chọn đơn vị cấp nước được quy định tại Khoản 6, Điều 29, Nghị định 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ.



[Handwritten signature]

2. Đối với địa bàn đã có tổ chức, cá nhân đang thực hiện dịch vụ cấp nước hoặc địa bàn chưa có đơn vị thực hiện dịch vụ cấp nước thì việc lựa chọn đơn vị cấp nước được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ.

3. UBND cấp huyện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước nhằm ràng buộc quyền hạn và nghĩa vụ của hai bên trong việc bảo đảm dịch vụ cấp nước theo quy định, đồng thời bảo đảm hài hòa quyền lợi hợp pháp của đơn vị cấp nước và cộng đồng, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước với giá nước sạch hợp lý có sự kiểm soát của nhà nước.

Điều 5. Đầu tư phát triển hệ thống cấp nước

1. Đối với các khu dân cư hiện trạng đã có đơn vị cấp nước: Đơn vị cấp nước phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã rà soát các khu vực chưa có nước sạch và lập kế hoạch đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước trên cơ sở xác định nhu cầu thực tế của người dân.

2. Đối với khu dân cư mới, khu đô thị mới, khu nhà ở, khu thương mại, dịch vụ: Chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư mạng lưới cấp nước trong phạm vi dự án theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và thực hiện đấu nối vào mạng lưới cấp nước chung (trừ trường hợp được phép tự sản xuất và cung cấp nước sạch).

3. Đối với khu, cụm công nghiệp:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư mạng lưới cấp nước trong ranh giới khu, cụm công nghiệp. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm cung cấp nước qua đồng hồ tổng, giá nước do chủ đầu tư thỏa thuận với đơn vị cấp nước. Việc quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước, phân phối nước đến từng doanh nghiệp trong khu công nghiệp do chủ đầu tư chịu trách nhiệm.

b) Trường hợp chủ đầu tư thỏa thuận giao cho đơn vị cấp nước quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước, phân phối nước đến từng doanh nghiệp thì chủ đầu tư và đơn vị cấp nước thống nhất thực hiện và có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh để quản lý theo quy định.

4. Các hoạt động thiết kế, lựa chọn nhà thầu, thi công, giám sát, nghiệm thu hoàn thành và bàn giao công trình đưa vào sử dụng phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Điều 6. Đấu nối, cấp nước cho khu đô thị, khu nhà ở, khu chung cư, khu đất đấu giá, khu tái định cư, khu nhà ở công nhân, khu, cụm công nghiệp, khu thương mại và dịch vụ

1. Khi lập dự án đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu nhà ở, khu tái định cư, khu nhà ở công nhân, khu, cụm công nghiệp, khu thương mại và dịch vụ, các chủ đầu tư có nhu cầu về cấp nước phải có văn bản thỏa thuận về nhu cầu tiêu thụ, cung cấp nước, điểm đấu nối nguồn cấp nước và đồng hồ tổng với Đơn vị cấp nước quản lý địa bàn. Thời gian đơn vị cấp nước có văn bản trả lời trước 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thỏa thuận cấp nước của chủ đầu tư.



2. Đối với khu đất đấu giá, tái định cư được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước, chủ đầu tư xây dựng công trình mời đơn vị cấp nước để cử người tham gia với chủ đầu tư trong việc quản lý dự án xây dựng công trình cấp nước trong dự án; khi dự án hoàn thành, đơn vị cấp nước phải tiếp nhận mạng lưới cấp nước do chủ đầu tư bàn giao và thông báo để khách hàng sử dụng nước biết để ký hợp đồng theo quy định.

Điều 7. Cung cấp nước phòng cháy, chữa cháy

1. Đơn vị cấp nước đảm bảo cung cấp đủ áp lực, lưu lượng cho hệ thống họng, trụ cứu hỏa trên địa bàn tỉnh.

2. Các hành vi xâm phạm, gây thiệt hại đến hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy; các hành vi gây cản trở, trì hoãn việc lấy nước phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy sẽ bị xử lý theo quy định.

Điều 8. Hệ thống đường ống nước sau đồng hồ đo nước

1. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra đồng hồ đo nước nhằm đảm bảo đồng hồ hoạt động ổn định, tránh sai số; phối hợp với hộ sử dụng nước kiểm tra đường ống sau đồng hồ, thiết bị thu, trữ nước khi có yêu cầu của hộ sử dụng nước.

2. Các hộ sử dụng nước không được đấu chung các nguồn nước khác vào hệ thống cấp nước sạch do đơn vị cấp nước cung cấp.

Điều 9. Di dời hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước

Việc di dời hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước (trừ phần thuộc phạm vi của hộ sử dụng nước) được thực hiện trong những trường hợp sau:

1. Di dời để phù hợp với nhu cầu xây dựng các công trình theo dự án xây dựng, quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Chi phí di dời nằm trong tổng mức đầu tư của dự án (trừ trường hợp có thỏa thuận khác).

2. Di dời theo yêu cầu của hộ sử dụng nước và phù hợp với các điều kiện quản lý mạng cấp nước của đơn vị cấp nước. Trường hợp này, chi phí di dời do hộ sử dụng nước chịu trách nhiệm thanh toán cho đơn vị cấp nước theo định mức, đơn giá tại thời điểm yêu cầu.

Điều 10. Lắp đặt đồng hồ đo nước

1. Vị trí lắp đặt đồng hồ đo nước bên ngoài ranh giới thửa đất của hộ sử dụng nước, bảo đảm thuận tiện cho việc lắp đặt, quản lý, kiểm tra ghi thu và bảo vệ an toàn đồng hồ. Đơn vị cấp nước thực hiện việc lắp đặt đồng hồ đo nước. Mỗi hộ sử dụng nước chỉ được lắp đặt 01 đồng hồ đo nước riêng.

2. Thời gian giải quyết việc lắp đặt đồng hồ đo nước trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ của hộ sử dụng nước (không tính thời gian xin phép đào đường, vỉa hè hoặc thời gian khắc phục trở ngại khách quan trong thi công).

Điều 11. Bảo quản đồng hồ đo nước

1. Bảo quản đồng hồ đo nước



R

a) Hộ sử dụng nước có trách nhiệm phối hợp với đơn vị cấp nước bảo vệ, bảo quản đồng hồ đo nước và các niêm chì.

b) Các hành vi tự ý đục phá, xô dịch vị trí, nâng, hạ, sửa chữa, thay đổi cỡ, loại, tự ý tháo gỡ, điều chỉnh đồng hồ đo nước sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Các hành vi phá hoại đồng hồ đo nước, ăn cắp nước sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của Pháp luật.

2. Thay đồng hồ đo nước

a) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng, chỉ có đơn vị cấp nước mới được quyền sửa chữa, thay thế đồng hồ mới; chịu trách nhiệm kiểm định đồng hồ đo nước.

b) Trường hợp mất đồng hồ đo nước, hư hỏng đồng hồ đo nước do lỗi của hộ sử dụng nước, đơn vị cấp nước thay đồng hồ đo nước khác. Chi phí thay thế đồng hồ đo nước do hộ sử dụng nước thanh toán theo thỏa thuận.

c) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng hoặc vì lý do khách quan mà chì niêm phong bị đứt, hộ sử dụng nước phải thông báo ngay cho đơn vị cấp nước biết để tiến hành kiểm tra, bấm chì hoặc thay đồng hồ đo nước khác. Chi phí khắc phục, thay thế đồng hồ đo nước do đơn vị cấp nước thanh toán.

d, Khi khách hàng sử dụng nước báo lỗi, hỏng đồng hồ nước thì đơn vị cấp nước thực hiện hiện việc sửa chữa, khắc phục hoặc thay thế trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của khách hàng sử dụng nước.

Điều 12. Kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước

1. Đồng hồ đo nước trước khi lắp đặt phải được kiểm định theo quy định hiện hành. Hộ sử dụng nước có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước khi nghi ngờ đồng hồ đo nước chạy không chính xác. Đồng hồ đo nước được xem là vẫn chạy chính xác nếu kết quả kiểm tra, kiểm định có sai số không vượt quá $\pm 5\%$ lượng nước thực tế qua đồng hồ đo nước.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của hộ sử dụng nước, đơn vị cấp nước phải tiến hành kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước. Việc kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước phải có sự chứng kiến của hộ sử dụng nước và được lập biên bản ghi rõ nội dung sự việc. Biên bản được lập 02 bản, đơn vị cấp nước giữ 01 bản, hộ sử dụng nước giữ 01 bản.

3. Kết quả kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước được giải quyết như sau

a) Nếu độ sai số của đồng hồ đo nước vẫn nằm trong giới hạn cho phép $\pm 5\%$ khối lượng nước phát sinh trong tháng thì hộ sử dụng nước yêu cầu kiểm tra, kiểm định và phải chịu chi phí kiểm tra, kiểm định.

b) Nếu sai số vượt quá giới hạn cho phép $\pm 5\%$ khối lượng nước phát sinh trong tháng thì hộ sử dụng nước yêu cầu đơn vị cung cấp nước kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước. Đồng hồ đo nước bị hỏng đơn vị cấp nước phải thay đồng hồ đo nước cho hộ sử dụng nước, đồng thời, phải hoàn trả lại cho hộ sử dụng nước số tiền nước đã thu tương ứng với sai số lượng nước chạy nhanh



(theo kết quả kiểm định) theo quy định tại Mục VII Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch. Trường hợp đồng hồ đo nước chạy chậm vượt quá giới hạn sai số cho phép thì đơn vị cấp nước phải thay đồng hồ đo nước cho hộ sử dụng nước; hộ sử dụng nước không phải thanh toán thêm cho đơn vị cấp nước số tiền tương ứng với lượng nước do đồng hồ đo nước chạy chậm.

4. Ghi chỉ số đồng hồ đo nước

a) Trường hợp chỉ số đồng hồ đo nước bị ghi sai lệch dẫn đến việc tính không chính xác lượng nước sử dụng cho hộ sử dụng nước, thì đơn vị cấp nước phải thông báo cho hộ sử dụng nước biết lượng nước sai lệch và sẽ điều chỉnh vào kỳ hóa đơn tiếp theo.

b) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng hoặc vì những lý do khác mà đơn vị cấp nước không thể ghi được chỉ số đồng hồ đo nước thì lượng nước sử dụng trong kỳ hóa đơn được tính theo phương pháp trung bình cộng của hóa đơn tiền nước 03 tháng liền kề trước đó; trong vòng một tháng đơn vị cấp nước có trách nhiệm khắc phục để đọc được chỉ số đồng hồ, kể cả việc thay đồng hồ khác.

5. Đơn vị cấp nước xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước theo quy định của Nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác của đồng hồ đo nước.

6. Trường hợp hộ sử dụng nước không nhất trí với kết quả kiểm định của đơn vị cấp nước thì có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước ở địa phương tổ chức kiểm định độc lập theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5, Điều 50 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ.

Điều 13. Giá nước sạch

Thẩm quyền phê duyệt giá nước trên địa bàn tỉnh, giá bán buôn, giá bán lẻ nước sạch và trường hợp giá nước phê duyệt thấp hơn giá bán nước sạch đã được tính đúng, tính đủ được quy định tại Khoản 2 Điều 54 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ Về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Khoản 1 Điều 7 và Khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn về nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn.

Điều 14. Trách nhiệm xây dựng, cập nhật, quản lý dữ liệu cấp nước

1. Dữ liệu hệ thống cấp nước:

a) Đối với nhà máy nước: Đơn vị quản lý, vị trí, công suất, tính chất nguồn nước thô, công nghệ xử lý, chất lượng nước sau xử lý.

b) Đối với trạm bơm: Đơn vị quản lý, vị trí, công suất, áp lực.



Handwritten signature or mark.

c) Đối với mạng lưới đường ống (phạm vi trước đồng hồ đầu nối khách hàng): Đơn vị quản lý, vị trí, đường kính, chất liệu, thời điểm đầu tư, tình trạng sử dụng.

d) Dữ liệu cấp nước được cập nhật theo hàng quý vào phần mềm quản lý cấp nước.

2. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm xây dựng, thường xuyên cập nhật và cung cấp bản đồ hiện trạng mạng lưới cấp nước trong phạm vi quản lý cho Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện theo định kỳ mỗi quý một lần.

3. Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý và tổng hợp dữ liệu cấp nước trên địa bàn tỉnh theo phạm vi phân cấp.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CẤP NƯỚC SẠCH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước sạch đô thị và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp;

b) Hướng dẫn việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh;

c) Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế đảm bảo an toàn cấp nước trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn tại Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng về thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện hoạt động cấp nước tại đô thị và khu công nghiệp;

đ) Cho ý kiến về Kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn trong vùng phục vụ cấp nước của đơn vị cấp nước trước khi UBND cấp huyện phê duyệt.

e) Là cơ quan thường trực giúp việc cho Ban chỉ đạo Cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh Vĩnh Phúc theo Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

f) Tổng hợp, báo cáo hằng năm và đột xuất về tình hình hoạt động cấp nước sạch đô thị, khu công nghiệp về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn.



[Handwritten signature]

b) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch cấp nước sạch khu vực nông thôn theo Quy hoạch cấp nước được phê duyệt.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Quy định sản xuất, cung cấp và tiêu thụ và bảo vệ công trình cấp nước tập trung khu vực nông thôn;

- Triển khai kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch khu vực nông thôn;

d) Tổng hợp, báo cáo hằng năm và đột xuất tình hình hoạt động cấp nước sạch nông thôn về Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh;

b) Tổ chức hiệp thương giá bán buôn nước sạch khi có yêu cầu của bên bán buôn nước sạch hoặc bên mua buôn nước sạch (hoặc cả hai bên) theo quy định của Pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định giá nước tối đa, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức kiểm tra việc thực hiện quyết định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh; phương án cấp bù giá nước từ ngân sách tỉnh;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung; hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách đầu tư sử dụng nước, mua nước sạch;

đ) Hướng dẫn và thực hiện quyết toán, đánh giá tài sản đối với các công trình cấp nước sạch được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu chính sách ưu đãi đầu tư cho các dự án cấp nước khi thẩm định chủ trương đầu tư theo quy định.

b) Tham mưu bố trí kế hoạch vốn để thực hiện đầu tư các dự án xây dựng công trình cấp nước theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Sở Y tế

a) Hướng dẫn, phổ biến áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định của ngành Y tế liên quan đến các hoạt động cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra và giám sát chất lượng nước sạch của các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn theo quy định của Bộ Y tế; khi kiểm tra phải lấy mẫu nước tại các hộ dân; kết quả

kiểm tra gửi các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để theo dõi, giám sát.

c) Tổng hợp, đánh giá và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh về chất lượng nước sạch của các đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng tháng và đột xuất khi có yêu cầu.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các đơn vị cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh. Không cấp phép thăm dò, khai thác nước cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp khai thác sử dụng nước khác tại khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung.

b) Phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh việc thu phí tài nguyên nước, phí nước thải theo quy định;

c) Quản lý việc sử dụng đất của các tổ chức khi xây dựng các công trình cấp nước dựa trên nhu cầu thực tế và yêu cầu phát triển từng giai đoạn theo quy hoạch cấp nước đã được phê duyệt;

d) Trên cơ sở đồ án quy hoạch cấp nước đã được phê duyệt, bổ sung vào kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh và tổ chức quản lý bảo vệ quỹ đất đã được xác định phục vụ cho các công trình cấp nước;

đ) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ đánh giá chất lượng nước thô khai thác để sản xuất nước sạch đối với các đơn vị cấp nước;

e) Xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo quy định của Luật Tài nguyên nước, Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

7. Công an tỉnh

a) Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị cấp nước tổ chức lực lượng bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng yếu về cung cấp nước sạch;

b) Phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện, đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn; chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, điều tra, xử lý nghiêm các hành vi làm ô nhiễm nguồn nước phục vụ ăn uống và sinh hoạt của nhân dân.

c) Phối hợp với các đơn vị cấp nước quản lý hệ thống các họng cứu hỏa, khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức thanh tra, kiểm tra về đo lường đối với đồng hồ đo nước lắp đặt vào hệ thống cấp nước.

b) Chỉ đạo Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tuyên truyền, hướng dẫn các quy định của Nhà nước về đo lường; kiểm tra định kỳ hoạt động đo lường tại các đơn vị cấp nước.

9. Sở Giao thông vận tải:

Thực hiện việc thỏa thuận thiết kế, cấp phép thi công cho các đơn vị cấp nước và các cá nhân thi công đường ống trong hành lang kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

a) Tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước tiết kiệm và bảo vệ các công trình cấp nước;

b) Chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng, các dự án công trình hạ tầng cấp nước trên địa bàn, kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án cấp nước;

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ với các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn; giám sát hoạt động cung cấp nước theo thỏa thuận đã ký.

d) Chủ trì kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về cấp nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước

1. Chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, bảo dưỡng, cải tạo và phát triển hệ thống cấp nước tập trung và các hạng, trụ nước chữa cháy được lắp đặt trên mạng lưới cấp nước do đơn vị quản lý.

2. Phát triển hoạt động cấp nước bền vững trên cơ sở khai thác tối đa mọi nguồn lực, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch với chất lượng bảo đảm, dịch vụ văn minh, hiệu quả cho người dân và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

3. Phối hợp triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển hệ thống cấp nước sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Bảo đảm nguồn nước cung cấp liên tục và đúng tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh cho nhu cầu sử dụng của khách hàng (trừ trường hợp bất khả kháng). Trường hợp có sự cố dẫn đến cung cấp không đảm bảo thì đơn vị cấp nước phải khắc phục kịp thời, bồi thường thiệt hại cho khách hàng (nếu có) và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu gây ảnh hưởng tới sức khỏe khách hàng.

5. Ký hợp đồng và tiến hành đấu nối vào mạng lưới cấp nước nằm trong vùng phục vụ cấp nước do đơn vị quản lý.

6. Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan bảo vệ sự an toàn các công trình cấp nước và các khu vực hành lang an toàn cấp nước nằm trong vùng phục vụ cấp nước do đơn vị quản lý.



B

7. Kiểm tra định kỳ và báo cáo kết quả xét nghiệm mẫu nước về Sở Y tế, trong trường hợp mẫu nước không đạt tiêu chuẩn quy định thì phải có trách nhiệm xử lý khẩn cấp.

8. Tham gia ý kiến vào quy hoạch liên quan đến cấp nước trên địa bàn tỉnh.

9. Lập phương án giá nước, điều chỉnh giá nước theo từng vùng phục vụ cấp nước đã được xác định, gửi cơ Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

10. Lập Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, trình UBND cấp huyện xem xét, ký kết theo quy định.

11. Lập và trình UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn trong vùng phục vụ cấp nước. Trước khi phê duyệt kế hoạch cấp nước phải có ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng.

12. Lập Kế hoạch cấp nước an toàn, xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch cấp nước an toàn phù hợp với điều kiện cụ thể của hệ thống cấp nước trong phạm vi quản lý.

13. Quản lý tài sản do nhà nước giao theo đúng quy định.

14. Thường xuyên cập nhật và cung cấp bản đồ hiện trạng mạng lưới cấp nước trong phạm vi quản lý cho Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố theo định kỳ mỗi Quý một lần.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Trì